TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-12-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hải

2. Ông Nguyễn Minh Toàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 ngày 11 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N; Nơi cư trú: Thôn Thượng Đ, xã An H, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn L; Nơi cư trú: Số 2/157 đường Quỳnh C, phường Hùng V, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

N DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng ngày 14/01/2005. Sau khi kết hôn chị N và anh L cùng ở nhà anh L tại Quỳnh Cư, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị N sống cùng anh L được khoảng 5

tháng thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Vĩnh Bảo. Từ đó đến nay, vợ chồng không có liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị N xác nhận giữa chị và anh Nguyễn Văn L không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh Nguyễn Văn L đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh; mặt khác, anh L cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh L đều vắng mặt.

Biên bản xác minh tại địa phương nơi anh Nguyễn Văn L sinh sống thể hiện: Anh L và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở ngay từ sau khi kết hôn một thời gian ngắn. Nay chị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có con chung và tài sản chung.

Tòa án lấy lời khai của người nhà anh Nguyễn Văn L, thể hiện: Gia đình xác nhận việc anh L và chị N có đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng, sau đó chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ giữa năm 2005 đến nay. Giữa anh L và chị N không có liên lạc gì từ khi chị N bỏ về. Nay chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Giữa chị N và anh L không có con chung, không có tài sản chung nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N. Về con chung và tài sản chung: Chị

N xác nhận vợ chồng không có con chung và tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, chị Phạm Thị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/01/2005 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 6/2005 đến nay, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng ly thân, mỗi người một nơi, việc ai người đó làm, ai lo bổn phận người đó. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh L đến Tòa án để lấy lời khai về việc chị N có đơn xin ly hôn, nhưng anh L không đến Tòa án làm việc và không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Anh L vắng mặt tại phiên tòa, điều này thể hiện anh L không còn ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh L và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L không có con chung, không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L không có tài sản chung, không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai ký hiệu: AA/2021 số 0009572 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Hải **Nguyễn Minh Toàn** **Trần Thị Quỳnh Như**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như